

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2025/KDTM-PT
Ngày: 31/07/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng T1 dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - V xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng T1 dụng”.

Do Bản án kinh dO2 thương mại sơ thẩm số: 09/2025/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố E (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - V) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2097/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Á.

Địa chỉ: Số 130, đường P, Phường 3, quận P, Thành phố H (nay là Số 130, đường P, Phường 3, TPH).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki.

Địa chỉ: Số 72, phố K, phường Đ, quận H, Thành phố H (Số 72, phố K, phường N, Thành Phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Duy B - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh E.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Minh H – Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki) - Chi nhánh E.

Địa chỉ: Số 336A1, Đại Lộ Đ, phường P, thành phố E, tỉnh E (nay là Số 336A1, Đại Lộ Đ, phường P, tỉnh V).

2. Bị đơn: Công ty B.

Địa chỉ: Số 79, ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh T (nay là Số 79, ấp G, phường M, tỉnh Đ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T - Chức vụ: Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Số 49, đường L, khu phố 6, phường A, thành phố E, E (nay là Số 49, đường L, khu phố 6, phường A, tỉnh V).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Địa chỉ: Số 49, đường L, khu phố 6, phường A, thành phố E, E (nay là Số 49, đường L, khu phố 6, phường A, tỉnh V).

3.2. Bà Trần Thị Kim O2, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 311, ấp L, xã B, thành phố E, E (nay là số 311, ấp L, phường phố E, tỉnh V).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim O2: Bà Dương Mỹ L2, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 49, đường L, khu phố 6, phường A, thành phố E, E (nay là Số 49, đường L, khu phố 6, phường A, tỉnh V).

3.3. Ông Trương Minh Tân, sinh năm 1993

3.4. Bà Dương Mỹ L2, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số 315/1, ấp G, xã M, thành phố M, tỉnh T (nay là Số 315/1, ấp G, phường M, tỉnh Đ).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki) là bà Trần Thị Minh Hiền trình bày:

Công ty B có quan hệ T1 dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Đông Á – Chi nhánh Bến Tre, chi tiết như sau:

Khoản cấp T1 dụng: Tổng hạn mức cấp T1 dụng: 14.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ đồng), mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 8%/năm, thời hạn vay: 05 tháng, theo các Hợp đồng T1 dụng chi tiết như sau: Hợp đồng T1 dụng số: 008H0002/HM23 ngày 01/12/2023, Số tiền vay: 4.039.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 02/5/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 009H0002/HM23 ngày 14/12/2023, số tiền vay: 500.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 14/5/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 010H0002/HM23 ngày 12/01/2024, số tiền vay: 3.800.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 12/6/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 011H0002/HM23 ngày 17/01/2024, số tiền vay: 5.455.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 17/6/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 001H0001/HM24 ngày 10/4/2024, số tiền vay: 206.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 10/9/2024.

Biện pháp đảm bảo: Công ty B thế chấp cho ngân hàng các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 642,9m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (100m²) và đất trồng cây lâu năm (542,9m²), tọa lạc phường Phú Tân, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294690, số vào sổ cấp GCN: CS11020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 29/6/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 theo Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 535,3m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 176634, số vào sổ cấp GCN: CS10953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 13/9/2021, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 theo Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 243, tờ bản đồ số 3, diện tích 198,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 7, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DD 297692 và số DD 297693, số vào sổ cấp GCN: CS07227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 27/4/2022,

chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 877, tờ bản đồ số 2, diện tích 119,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294900, số vào sổ cấp GCN: CS09783 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 02/7/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 8, diện tích 64,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 254190, số vào sổ cấp GCN CH 01007 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/3/2013 (cập nhật thay đổi ngày 22/6/2021), chủ sở hữu là ông Trương Minh Tân và bà Dương Mỹ L2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0017/TC23 ngày 12/12/2023.

Tất cả hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Trong quá trình vay, từ ngày 01/12/2023 đến ngày 16/4/2024 Công ty B chỉ trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 0 đồng, lãi trong hạn: 303.458.410 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng, tổng cộng: 303.458.410 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ ba triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm mười đồng). Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 14/5/2024, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. T1h đến ngày 20/3/2025, Công ty B còn nợ các khoản sau: Vốn: 14.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 163.882.960 đồng, lãi quá hạn: 1.337.518.026 đồng, tổng cộng: 15.501.400.986 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bốn trăm nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Cụ thể: hợp đồng T1 dụng số 008H0002/HM23, vốn: 4.039.000.000 đồng, lãi trong hạn: 19.475.726 đồng, lãi quá hạn: 427.580.712 đồng, tổng cộng: 4.486.056.438 đồng; hợp đồng T1 dụng số 009H0002/HM23, vốn: 500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 3.726.027 đồng, lãi quá hạn: 50.958.904 đồng, tổng cộng: 554.684.931 đồng; hợp đồng T1 dụng số 010H0002/HM23, vốn: 3.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 52.471.233 đồng, lãi quá hạn: 351.057.534 đồng, tổng cộng: 4.203.528.767 đồng; hợp đồng T1 dụng số

011H0002/HM23, vốn: 5.455.000.000 đồng, lãi trong hạn: 81.301.918 đồng, lãi quá hạn: 494.985.205 đồng, tổng cộng: 6.031.287.123 đồng; hợp đồng T1 dụng số 001H0001/HM24, vốn: 206.000.000 đồng, lãi trong hạn: 6.908.056 đồng, lãi quá hạn: 12.935.671 đồng, tổng cộng: 225.843.727 đồng.

Nay Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki yêu cầu:

- Công ty B trả ngay cho ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) T1h đến ngày 20/3/2025 là 15.501.400.986 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bốn trăm nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó vốn: 14.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 163.882.960 đồng, lãi quá hạn: 1.337.518.026 đồng, đồng thời trả tiền lãi phát sinh từ ngày 21/3/2025 cho đến ngày Công ty B thực trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại các hợp đồng vay vốn. Công ty B phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí (nếu có).

- Nếu Công ty B không thực hiện theo yêu cầu trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng, chi tiết như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 642,9m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (100m²) và đất trồng cây lâu năm (542,9m²), tọa lạc phường Phú Tân, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294690, số vào sổ cấp GCN: CS11020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 29/6/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 theo Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 535,3m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 176634, số vào sổ cấp GCN: CS10953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 13/9/2021, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 theo Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 243, tờ bản đồ số 3, diện tích 198,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 7, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DD 297692 và số DD 297693, sổ vào sổ cấp GCN: CS07227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 27/4/2022, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 877, tờ bản đồ số 2, diện tích 119,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294900, sổ vào sổ cấp GCN: CS09783 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 02/7/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 8, diện tích 64,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 254190, sổ vào sổ cấp GCN CH 01007 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/3/2013 (cập nhật thay đổi ngày 22/6/2021), chủ sở hữu là ông Trương Minh Tân và bà Dương Mỹ L2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0017/TC23 ngày 12/12/2023.

- Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty B tại ngân hàng thì Công ty B tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

- Công ty B phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn T1, bà Trần Thị Kim O2, ông Trương Minh Tân, bà Dương Mỹ L2 nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân thành phố E đã đưa vụ án ra xét xử. Tại quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2025/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố E đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki).

Buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki (T1h đến ngày 20/3/2025) tổng số tiền là 15.501.400.986 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bốn trăm nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó vốn gốc: 14.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 163.882.960 đồng, lãi quá hạn: 1.337.518.026 đồng.

Công ty B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng T1 dụng đã ký kết với Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki) kể từ ngày 21/3/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki.

Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay nêu trên thì Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ cho ngân hàng, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 642,9m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (100m²) và đất trồng cây lâu năm (542,9m²), tọa lạc phường Phú Tân, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294690, số vào sổ cấp GCN: CS11020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 29/6/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 535,3m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 176634, số vào sổ cấp GCN: CS10953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 13/9/2021, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 243, tờ bản đồ số 3, diện tích 198,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 7, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DD 297692 và số DD 297693, số vào sổ cấp GCN: CS07227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 27/4/2022, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 877, tờ bản đồ số 2, diện tích 119,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294900, số vào sổ cấp GCN: CS09783 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 02/7/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 8, diện tích 64,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 254190, sổ vào sổ cấp GCN CH 01007 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/3/2013 (cập nhật thay đổi ngày 22/6/2021), chủ sở hữu là ông Trương Minh Tân và bà Dương Mỹ L2.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/4/2025, bị đơn Công ty B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do tình hình kinh tế khó khăn, hiện Công ty đã tạm ngừng hoạt động, không còn dO2 thu, đang gặp khó khăn về tài chính nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt và lãi chậm trả ngay một lần là vượt quá khả năng thanh toán thực tế của Công ty. Bị đơn đề nghị cho xin thời gian 12 tháng để rao bán tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về thời hạn trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm xin ngừng T1 lãi suất từ tháng 6/2024 cho đến nay lý do công ty ngưng hoạt động kinh dO2. Và xin thời hạn 12 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm để tự bán tài sản để trả nợ.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty B, giữ nguyên Bản án kinh dO2 thương mại sơ thẩm số: 09/2025/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố E (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh V).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty B được làm đúng theo quy định, trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Chị Dương Mỹ L2, anh Trương Minh Tân có yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L2, anh Tân là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của Công ty B nhận thấy:

[2.1] Khoản cấp T1 dụng: Tổng hạn mức cấp T1 dụng: 14.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn tỷ đồng), mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất 8%/năm, thời hạn vay: 05 tháng, theo các Hợp đồng T1 dụng chi tiết như sau: Hợp đồng T1 dụng số: 008H0002/HM23 ngày 01/12/2023, Số tiền vay: 4.039.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 02/5/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 009H0002/HM23 ngày 14/12/2023, số tiền vay: 500.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 14/5/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 010H0002/HM23 ngày 12/01/2024, số tiền vay: 3.800.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 12/6/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 011H0002/HM23 ngày 17/01/2024, số tiền vay: 5.455.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 17/6/2024; Hợp đồng T1 dụng số: 001H0001/HM24 ngày 10/4/2024, số tiền vay: 206.000.000 đồng, ngày đáo hạn: 10/9/2024.

[2.2] Biện pháp đảm bảo: Công ty B thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki – Chi nhánh E) các tài sản như sau:

[2.2.1] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 642,9m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (100m²) và đất trồng cây lâu năm (542,9m²), tọa lạc phường Phú Tân, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294690, số vào sổ cấp GCN: CS11020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 29/6/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 theo Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023.

[2.2.2] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 535,3m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 176634, số vào sổ cấp GCN: CS10953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 13/9/2021, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 theo Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-

01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023.

[2.2.3] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 243, tờ bản đồ số 3, diện tích 198,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 7, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DD 297692 và số DD 297693, số vào sổ cấp GCN: CS07227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 27/4/2022, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024.

[2.2.4] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 877, tờ bản đồ số 2, diện tích 119,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294900, số vào sổ cấp GCN: CS09783 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 02/7/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024.

[2.2.5] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 8, diện tích 64,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 254190, số vào sổ cấp GCN CH 01007 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/3/2013 (cập nhật thay đổi ngày 22/6/2021), chủ sở hữu là ông Trương Minh Tân và bà Dương Mỹ L2 theo Hợp đồng thế chấp số H.0017/TC23 ngày 12/12/2023.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: các hợp đồng T1 dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre với Công ty B, ông Nguyễn Tấn T1, bà Trần Thị Kim O2, ông Trương Minh Tân, bà Dương Mỹ L2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật; được đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định pháp luật nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân

hàng theo nội dung đã thỏa thuận trong các hợp đồng T1 dụng đã ký kết, từ ngày 14/5/2024 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền nợ vay tạm T1h đến ngày 20/3/2025 các khoản sau: Vốn: 14.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 163.882.960 đồng, lãi quá hạn: 1.337.518.026 đồng, tổng cộng: 15.501.400.986 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bốn trăm nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/3/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Đối với các Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23 ngày 14/3/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0001/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023; Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23 ngày 14/3/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-01/2023/PLHĐ ngày 01/12/2023, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-02/2023/PLHĐ ngày 11/12/2023 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số H.0002/TC23-03/2024/PLHĐ ngày 10/4/2024; Hợp đồng thế chấp số H.0017/TC23 ngày 12/12/2023 đã được ký kết giữa các bên Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bến Tre với ông Nguyễn Tấn T1, bà Trần Thị Kim O2, ông Trương Minh Tân, bà Dương Mỹ L2 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty B. Các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản với nội dung: đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các văn bản thỏa thuận cấp T1 dụng mà bên được cấp T1 dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp. Xét thấy, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đông Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki) nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết nêu trên phù hợp. Cụ thể bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 642,9m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (100m²) và đất trồng cây lâu năm (542,9m²), tọa lạc phường Phú Tân, thành phố E, tỉnh E; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 535,3m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 243, tờ bản đồ số 3, diện tích 198,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 7, thành phố E, tỉnh E; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 877, tờ bản đồ số 2, diện tích 119,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 8, diện tích 64,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Xét yêu cầu của bị đơn về việc tạm ngưng T1h lãi suất ngừng từ tháng 6/2024 cho đến nay lý do công ty ngưng hoạt động kinh doanh. Và xin thời hạn 12 tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm để tự bán tài sản để trả nợ. Xét thấy, pháp luật không quy định việc việc tạm ngưng T1h lãi suất và nguyên đơn cũng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn Công ty B là không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty B.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2025/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố E (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - V).

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức T1 dụng năm 2010 (Điều 103 Luật các tổ chức T1 dụng năm 2024); Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki).

Buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki (T1h đến ngày 20/3/2025) tổng số tiền là 15.501.400.986 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bốn trăm nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó vốn gốc: 14.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 163.882.960 đồng, lãi quá hạn: 1.337.518.026 đồng.

Công ty B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng T1 dụng đã ký kết với Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki) kể từ ngày 21/3/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki.

Trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay nêu trên thì Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành

viên Sổ Vikki được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ cho ngân hàng, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 1, diện tích 642,9m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị (100m²) và đất trồng cây lâu năm (542,9m²), tọa lạc phường Phú Tân, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294690, số vào sổ cấp GCN: CS11020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 29/6/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 8, diện tích 535,3m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DB 176634, số vào sổ cấp GCN: CS10953 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 13/9/2021, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 243, tờ bản đồ số 3, diện tích 198,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 7, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: DD 297692 và số DD 297693, số vào sổ cấp GCN: CS07227 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 27/4/2022, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 877, tờ bản đồ số 2, diện tích 119,0m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc xã Mỹ Thạnh An, thành phố E, tỉnh E theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 294900, số vào sổ cấp GCN: CS09783 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh E cấp ngày 02/7/2020, chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn T1 và bà Trần Thị Kim O2.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 8, diện tích 64,3m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, tọa lạc phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BN 254190, số vào sổ cấp GCN CH 01007 do Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 14/3/2013 (cập nhật thay đổi ngày 22/6/2021), chủ sở hữu là ông Trương Minh Tân và bà Dương Mỹ L2.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: buộc Công ty B phải nộp là 123.501.000 đồng (Bằng chữ: một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm lẻ một nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố E, tỉnh E hoàn trả lại cho Ngân hàng Á (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Số Vikki) số tiền 61.205.000 đồng (Bằng chữ: sáu mươi một triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005302 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố E, tỉnh E (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 5- V).

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011434 ngày 25/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố E, tỉnh E (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 5- V).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng TT,KT&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương